

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 7 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Bà Lê Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương M Quan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, về việc “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Thái Phương T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 944 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 79 đường V, phường V1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thái Phương T trình bày:*

Chị T và anh D qua tìm hiểu, tự nguyện quen biết yêu thương nhau rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại UBND phường V1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 24/01/2014. Sau khi kết hôn chị T và anh D sống tại gia đình cha mẹ chồng tại

địa chỉ Số 79 đường V, phường V1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang đến khi chị T mang thai người con lớn thì anh chị về nhà cha mẹ vợ tại địa chỉ số 944 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2014 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính cách chị T và anh D không hòa hợp luôn bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như cách nuôi dạy các con. Dù đã cố gắng để hòa hợp với nhau nhưng không được, vì cả hai không còn cùng nhau chia sẻ nên cuộc sống dần dần trở nên căng thẳng, không còn vui vẻ, hạnh phúc. Từ tháng 6 năm 2017, tình trạng hôn nhân trở nên trầm trọng anh D về nhà cha mẹ ruột ở và anh chị sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T khởi kiện xin ly hôn với anh D.

Trong quá trình chung sống Chị T và anh D có 02 người con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 07/12/2014; Nguyễn Thái M, sinh ngày 02/5/2016.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thái D.
- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái D trình bày:*

Anh D thống nhất với phần trình bày của chị T về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Anh D cho rằng chị T ít quan tâm đến chồng cũng như các con, hằng ngày chị T đi làm về chỉ lo chăm sóc sắc đẹp của mình, để các con cho người giúp việc và anh D chăm sóc.

Tại phiên tòa anh D yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh D đồng ý ly hôn với chị T.
- Về con chung: Anh D yêu cầu nuôi dưỡng người con tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 07/12/2014, còn cháu Nguyễn Thái M còn nhỏ nên đồng ý để cho chị T nuôi dưỡng; anh xác định, thời điểm anh và chị T còn sống chung đến khi ly thân đến nay, thực tế chị T đi công tác và việc riêng rất nhiều ngày trong tháng, để cháu H cho anh chăm sóc đưa đón đi học và hằng ngày anh D đến lo cho cháu ăn uống, còn đối với cháu M thì chị T cũng không trực tiếp chăm sóc mà do bà ngoại cháu và một chị giúp việc chăm nom cháu M cả ngày đêm đến tối cháu M cũng ngủ cùng chị giúp việc; anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy nhiên, thời gian đưa vụ án ra xét xử là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thái Phương T và anh Nguyễn Thái D. Giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng x 02 cháu = 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Thái Phương T khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thái D và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Phương T và anh Nguyễn Thái D được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06, ngày 24/01/2014, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Phương T và anh Nguyễn Thái D xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D theo quy định tại Điều 55, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có hai người con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 07/12/2014; Nguyễn Thái M, sinh ngày 02/5/2016; chị T và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh D đều có điều kiện để lo cho các con của anh chị phát triển tốt. Đối với cháu Nguyễn Thái M còn nhỏ nên anh D đồng ý giao cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng đối với cháu Nguyễn Thái H, chị T cũng thừa nhận trong quá trình sống chung cũng như thời gian ly thân, anh D rất quan tâm, yêu thương, chăm sóc cháu H và thường xuyên đưa đón cháu đi học; và cũng thường xuyên đưa cháu về sống với anh D; do đó, việc giao cháu H cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhằm chia sẻ sự vất vả và có thời gian chăm sóc cháu M nhiều hơn đối với chị T là phù hợp. Mặc khác, do tính chất công việc T đang

làm thêm cho Công ty dược Boehringer Ingecheim thành phố Hồ Chí M nên cũng cần có thời gian đi công tác. Tại phiên tòa, anh D cũng đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho cháu H. Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nếu anh D không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, làm ảnh hưởng đến lợi ích của con chung, thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, qua nghị án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất xử giao cháu Nguyễn Thái H cho anh D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thái M cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh D và chị T đều được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nguyễn Thái M mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh D thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ, phí số 0001731 ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Riêng đối với vấn đề giao 02 người con cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng là chưa phù hợp như đã nhận định ở phần trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Phương T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thái D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thái Phương T và Nguyễn Thái D.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 07/12/2014 cho anh Nguyễn Thái D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thái M, sinh ngày 02/05/2016 cho chị Thái Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Thái D đối với người con Nguyễn Thái M mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi. Chị T và anh D được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D không cấp dưỡng số tiền trên thì anh D còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001731 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2018).

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân
tòa

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Chung Kim Sang

Lê Thị Mỹ

Huỳnh Thị Thùy Linh

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Chi cục THA dân sự Tp. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Út Mẫn

G, ngày 20 tháng 7 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thùy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Bà Chung Kim Sang

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 1 năm 2018 về việc **“Xin ly hôn, con chung”** giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Thái Phương T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 944 đường T, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thái D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 79 đường Hùng Vương, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ T LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82,83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL- UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Phương T về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thái D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thái Phương T và Nguyễn Thái D.

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Thái H, sinh ngày 07/12/2014 cho anh Nguyễn Thái D được trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thái M, sinh ngày 02/05/2016 cho chị Thái Phương T được trực tiếp nuôi dưỡng; chị T, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T và anh D được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh D không cấp dưỡng số thì anh D còn phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

3. Về tài sản chung: Chị T, anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

4. Về nợ chung: Chị T, anh D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001731 ngày 27/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*)

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/7/2018).

Ý kiến T luận biểu quyết, quyết định 3/3.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa

Chung Kim Sang

Lê Thị Mỹ

Huỳnh Thị Thùy Linh

